

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02 tháng 8 năm 2022

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Ông Phạm Hồng Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Sơn T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp H, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Anh Lê Thành T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp H, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị T có mặt tại phiên tòa; Anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Sơn T trình bày: Chị T và anh T quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2011, quyền số 01/2011, ngày 08/3/2011 do Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho Lê Thành T và Nguyễn Thị Sơn T). Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm

2015 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn anh T có hành vi bạo lực gia đình, mắng chửi chị T, thường xuyên cự cãi xung đột nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng vợ chồng bất đồng quan điểm. Gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh T có 02 con chung tên Lê Thành I, sinh ngày 13/3/2010 và Lê Ngọc U, sinh ngày 17/4/2011. Hiện các cháu I và U đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi các cháu I và U. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 185/TB-TLVA ngày 06/01/2022 cho anh Lê Thành Đ thông qua người thân (anh ruột anh T) nhận thay và anh Đ xác nhận có thông tin cho anh T biết về việc chị Nguyễn Thị Sơn T khởi kiện ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh T đối với yêu cầu của chị T và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh T gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 25/5/2022, Tòa án ban hành Thông báo số 29/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh T được biết nhưng anh T từ chối nhận và anh T cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của anh T cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, chị T cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công An xã C, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh ấp H, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang; Biên bản ghi nhận ý kiến các cháu Lê Thành I và Lê Ngọc U. Cụ thể:

- Qua xác minh Công an xã C, thị xã T cung cấp: Đương sự Lê Thành T, sinh năm 1985 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp H, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay đương sự Lê Thành T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác sinh sống, đương sự anh T hiện còn đang sinh sống tại địa phương.

- Qua xác minh bà La Thị Thu C – Trưởng ấp H, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang trình bày: Anh T và chị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Mâu thuẫn giữa Anh T và chị T phát sinh do vợ chồng thường xuyên xung đột, cãi nhau, anh T có hành vi bạo lực gia đình và xúc phạm đến chị T, hiện anh T và chị T không còn chung sống nhau.

- Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành lập biên bản ghi nhận ý kiến cháu các cháu Lê Thành I, sinh ngày 13/3/2010 và Lê Ngọc U, sinh ngày 17/4/2011 với sự có mặt người giám hộ là chị Nguyễn Thị Sơn T, các cháu I và

U có ý kiến nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Nguyễn Thị Sơn T khi cha, mẹ ly hôn.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Chị T và anh T quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T có hành vi bạo lực gia đình và xúc phạm đến chị T, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2015 đến nay. Gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh T có 02 (hai) con chung tên Lê Thành I, sinh ngày 13/3/2010 và Lê Ngọc U, sinh ngày 17/4/2011. Hiện các cháu đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu I và U và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con và cũng phù hợp với nguyện vọng của các I và U sống chung với mẹ là chị T khi cha, mẹ ly hôn. Chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Sơn T được ly hôn anh Lê Thành T.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Sơn T được nuôi dạy các cháu Lê Thành I, sinh ngày 13/3/2010 và Lê Ngọc U, sinh ngày 17/4/2011. Anh Lê Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Sơn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Sơn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Thành T. Anh T có nơi cư trú: Ấp H, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lê Thành T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh T do quen biết nhau trước, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T, tỉnh An Giang (theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2011, quyển số 01/2011, ngày 08/3/2011 do UBND xã C, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho Lê Thành T và Nguyễn Thị Sơn T). Hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị T khai, sau khi kết hôn, chị T và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T có hành vi bạo lực gia đình và xúc phạm đến danh dự chị T, vợ chồng đã không còn chung sống từ năm 2015 đến nay. Gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị T và anh T hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh T vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy anh T chưa thật sự hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T.

Tình trạng vợ chồng của chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị T ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 02 (một) con chung tên Lê Thành I, sinh ngày 13/3/2010 và Lê Ngọc U, sinh ngày 17/4/2011 hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy các cháu Lê Thành I và Lê Ngọc U, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản lời khai các cháu Lê Thành I và Lê Ngọc U có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Nguyễn Thị Sơn T khi chị T và anh T ly hôn.

Xét, chị T yêu cầu được nuôi dạy các con chung tên Lê Thành I, sinh ngày 13/3/2010 và Lê Ngọc U, sinh ngày 17/4/2011, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Sơn T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Thành T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến, nếu sau này giữa chị T và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Sơn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí.

Anh Lê Thành T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Sơn T.

Chị Nguyễn Thị Sơn T được ly hôn với anh Lê Thành T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2011, quyền số 01/2011, ngày 08/3/2011 do Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho Lê Thành T và Nguyễn Thị Sơn T không còn giá trị pháp lý

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Sơn T được tiếp tục nuôi dạy các con chung tên Lê Thành I, sinh ngày 13/3/2010 và Lê Ngọc U, sinh ngày 17/4/2011 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động được. Anh Lê Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Sơn T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Thành T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Sơn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006102 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Nguyễn Thị Sơn T đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Thành T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Lê Thành T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu;
- TAND tỉnh An Giang;
- CC.THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã C, thị xã T, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm